TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 13 tháng 6 năm 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và ông Nguyễn Như Quang.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 132/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hương G, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Bị đơn: Anh Phạm Đình M, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2017, Bản tự khai ngày 22 tháng 12 năm 2017 và các văn bản tố tụng khác cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Hương G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hương G và anh Phạm Đình M có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, anh M và chị G sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường hay đánh chị G và xem thường, xúc phạm gia đình bên phía chị G. Từ khi kết hôn đến nay, anh M và chị G đã hai lần sống ly thân từ năm 2010 đến 2012 và từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Nay chị G thấy không còn tình cảm gì với anh M nên yêu cầu ly hôn với anh Phạm Đình M.

- Về con chung: Chị Lê Thị Hương G và anh Phạm Đình M có 01 con chung, tên Phạm Quang C, sinh ngày 07-8-2010. Chị G yêu cầu được nuôi cháu C và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng.

Nghề nghiệp hiện tại của chị G là nhân viên hành chính tại Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn thiết bị phòng cháy chữa cháy 4 – 10 Gia Lai – Khách sạn P (địa chỉ: 209 Nguyễn Tất T, phường Đ, thành phố P, tỉnh G), mức lương là 7.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị Hương G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 12 năm 2017, bị đơn là anh Phạm Đình M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đình M và chị Lê Thị Hương G tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc, từ tháng 6-2017 vợ chồng bắt đầu nãy sinh mâu thuẫn, vợ chồng có cãi vả lẫn nhau, nhiều lần chị G có đi chơi qua đêm với bạn bè, anh M cũng nhiều lần nhắc nhở khiến chị G tức giận bỏ đi từ ngày 14-6-2017, cũng từ thời điểm đó hai vợ chồng sống ly thân. Nhiều lần anh M khuyên chị G trở về nhà, lúc đó chị G cũng trở về nhưng sau đó lại bỏ đi, trường hợp chị G yêu cầu ly hôn thì anh M cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh Phạm Đình M và chị Lê Thị Hương G có 01 con chung, tên Phạm Quang C, sinh ngày 07-8-2010. Anh M yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp của anh M là chạy xe, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng – 10.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và trách nhiệm thanh toán chung: Anh Phạm Đình M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh M, yêu cầu được nuôi con chung là cháu Phạm Quang C, thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, chị G yêu cầu cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ tháng. Chị G không yêu cầu giải quyết về tài sản và các nghĩa vụ chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ qui định của pháp luật;

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị G ly hôn với anh M, giao con chung là cháu Phạm Quang C, sinh ngày 07/8/2010 cho chị Lê Thị Hương G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu C thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị G buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Buộc chị G phải

chịu án phí dân sự về ly hôn sơ thẩm. Buộc anh M phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Bản gốc Đơn khởi kiện đề ngày 27-8-2017 của chị Lê Thị Hương G; Bản sao chứng minh nhân dân của chị Lê Thị Hương G; bản sao sổ hộ khẩu của chị Lê Thị Hương G và anh Phạm Đình M; bản gốc Giấy chứng nhân kết hôn của chị Lê Thị Hương G và anh Phạm Đình M; bản sao Giấy khai sinh của Phạm Quang C; bản gốc đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ việc gửi tài liệu, chứng cứ ngày 08-12-2017; bản gốc bản tự khai ngày 22-12-2017; bản sao Hợp đồng lao động ngày 01-01-2018; bản gốc đơn xin xác nhận ngày 20/4/2018; Bản gốc bản tự khai đề ngày 21-12-2017 của anh Phạm Đình M; Bản gốc biên bản xác minh ngày 08-12-2017; bản gốc biên bản hỏi ý kiến con chưa thành niên ngày 22-12-2017; bản gốc biên bản xác minh ngày 27-3-2018

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Chị Lê Thị Hương G và anh Phạm Đình M có đăng ký kết hôn vào ngày 07-12-2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Chị Lê Thị Hương G và anh Phạm Đình M có 01 con chung, tên Phạm Quang C, sinh ngày 07-8-2010.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện chị Lê Thị Hương G phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Đình M hiện cư trú tại thôn 2, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phạm Đình M đã được toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà và được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy toà án nhân dân huyện G xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Chị Lê Thị Hương G và anh Phạm Đình M có đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 12 năm 2009, tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Lê Thị Hương G và anh Phạm Đình M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị G và anh M có xảy ra mâu thuẫn cãi vả, theo như lời khai của chị G và anh M cũng phù hợp với lời cung cấp của thôn trưởng thôn 2, xã T là khoảng tháng 6/2017 chị G bỏ đi khỏi địa phương và cũng từ thời điểm đó vợ chồng sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh M cố ý không tham gia hòa giải. Xét thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

[3] Xét yêu cầu về nuôi con chung:

Anh Phạm Đình M và chị Lê Thị Hương G có 01 con chung, tên Phạm Quang C, sinh ngày 07/8/2010. Chị G và anh M đều có yêu cầu được nuôi cháu C. Xét thấy cháu C hiện đang còn nhỏ và đang ở với chị G, chị G có nghề nghiệp ổn định, thu nhập 7.500.000 đồng/tháng, đủ khả năng nuôi con, nên việc giao cháu C cho chị G trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quá trình phát triển toàn diện, bình thường của cháu C cũng như phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu C.

Xét yêu cầu được nuôi con của anh M thì thấy rằng, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã yêu cầu anh M cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho cho thu nhập hàng tháng của mình, nhưng cho đến thời điểm hiện tại anh M không cung cấp cho Tòa án, mặc khác, cháu C đang còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, bản thân cháu C có nguyện vọng ở với mẹ do vậy không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh M.

[4]. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà nguyên đơn là chị Lê Thị Hương G yêu cầu anh Phạm Đình M cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tựu nuôi mình. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do vậy cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị G. Chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc đối với trẻ em từ 8 tuổi đến 9 tuổi tại địa phương khoảng 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng, mức cấp dưỡng mà chị G yêu cầu 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản và nghĩa vụ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Hương G phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phạm Đình M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Hương G.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hương G ly hôn với anh Phạm Đình M.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quang C, sinh ngày 07/8/2010 cho chị Lê Thị Hương G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu C thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Phạm Đình M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: Anh Phạm Đình M cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (13/6/2018)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Buộc chị Lê Thị Hương G phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai số 0000463 ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Buộc anh Phạm Đình M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Hương G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/6/2018), anh Phạm Đình M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi thành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

Võ Văn Quảng